

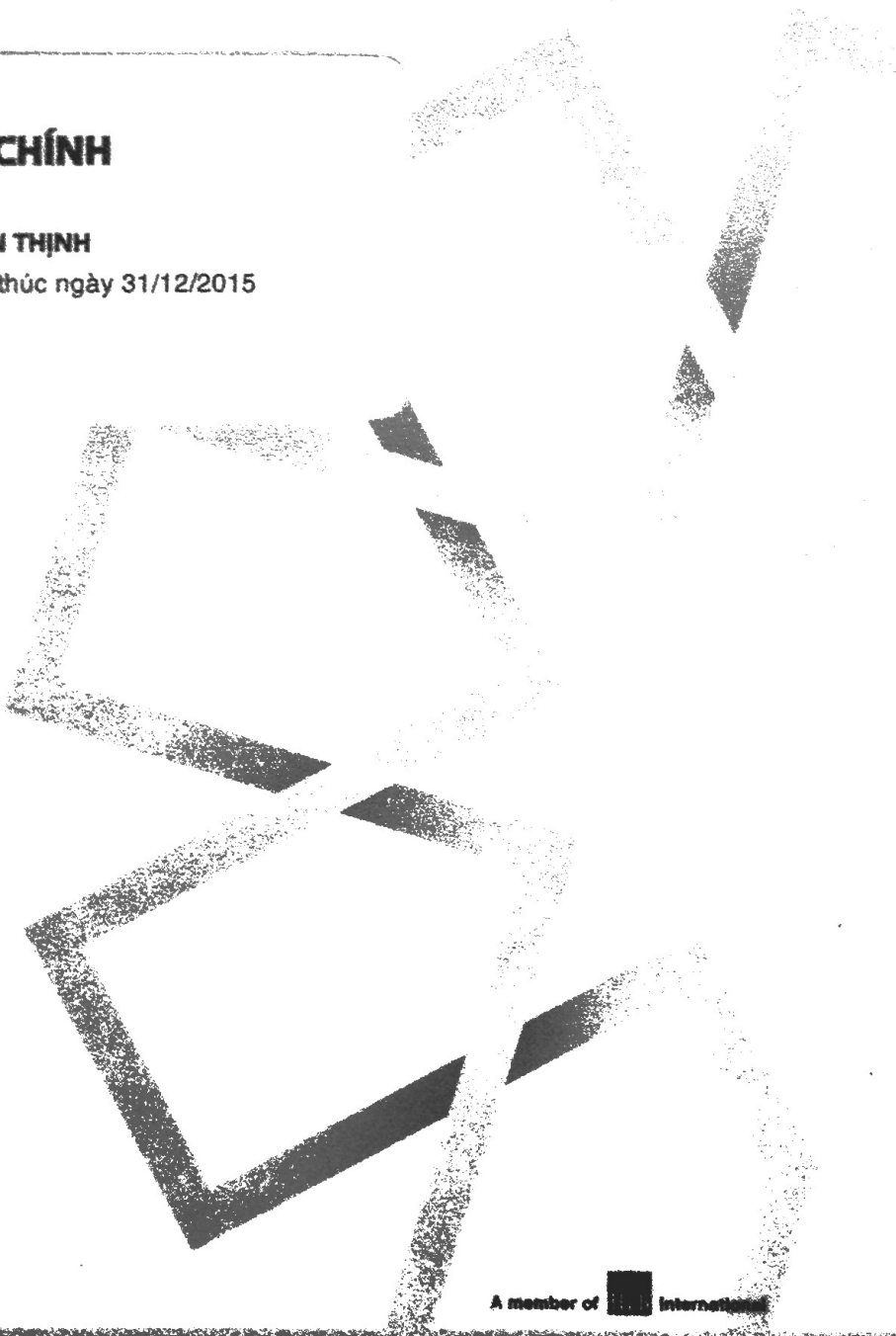


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đã được kiểm toán)



A member of  International

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-28

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần An Thịnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Thịnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4700145463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi.

Trụ sở của Công ty tại: Tổ 11C, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lô Đình Ních	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Nguyễn Xuân Ban	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Đặng Danh Sinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Nông Văn Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Vũ Văn Huỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Lô Văn Ứng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016
Ông Lô Văn Khôn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lô Đình Ních	Giám đốc
Ông Lê Văn Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thắng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lô Văn Ngụy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Bà Nguyễn Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016
Bà Đỗ Thị Hằng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/06/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

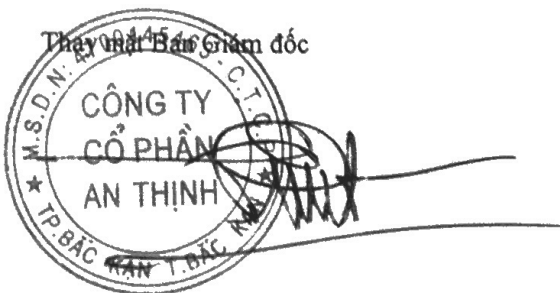
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



The image shows a circular stamp with the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH' in the center. The outer ring of the stamp contains the text 'M.S.D.N. ... C.T.' at the top and 'TP. BẮC KẠN - T. BẮC KẠN' at the bottom. A handwritten signature is written over the stamp.

Lô Đình Ních

Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần An Thịnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần An Thịnh được lập ngày 06 tháng 09 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần An Thịnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		62.186.443.684	61.649.246.425
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.656.740.529	1.245.507.246
111	1. Tiền		1.656.740.529	1.245.507.246
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		23.552.412.402	22.315.478.843
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	16.188.096.138	17.875.702.687
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.364.316.264	4.392.756.156
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	5.000.000.000	47.020.000
140	IV. Hàng tồn kho	7	36.977.290.753	37.366.893.297
141	1. Hàng tồn kho		36.977.290.753	37.366.893.297
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	721.367.039
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	721.367.039
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		96.890.056.426	97.680.514.515
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		83.551.570.961	81.151.570.961
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	25.000.000.000	25.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	58.551.570.961	56.151.570.961
220	II. Tài sản cố định		11.795.422.138	14.890.049.765
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	11.795.422.138	14.890.049.765
222	- Nguyên giá		36.953.322.820	36.953.322.820
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(25.157.900.682)	(22.063.273.055)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	1.490.638.313	1.490.638.313
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.490.638.313	1.490.638.313
260	VI. Tài sản dài hạn khác		52.425.014	148.255.476
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	52.425.014	148.255.476
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		159.076.500.110	159.329.760.940

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		78.697.877.360	84.212.485.815
310	I. Nợ ngắn hạn		78.697.877.360	84.212.485.815
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	6.825.768.006	8.047.435.602
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.430.189.181	3.870.575.639
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.857.188.244	1.154.953.633
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	6.392.357.242	4.067.378.051
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		-	391.477.489
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	55.192.374.687	66.659.641.376
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	21.024.025
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.378.622.750	75.117.275.125
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	80.378.622.750	75.117.275.125
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		76.840.000.000	76.840.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		76.840.000.000	76.840.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.538.622.750	(1.722.724.875)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(1.722.724.875)	(2.071.295.682)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		5.261.347.625	348.570.807
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		159.076.500.110	159.329.760.940

[Signature]

Vũ Thị Hạnh
Người lập

[Signature]

Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Lô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	56.184.645.049	54.459.425.144
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.184.645.049	54.459.425.144
11	4. Giá vốn hàng bán	17	43.548.433.081	43.454.345.987
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.636.211.968	11.005.079.157
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	2.417.114.705	3.466.235.543
22	7. Chi phí tài chính	19	5.880.535.213	10.553.840.990
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.880.535.213	10.553.840.990
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	2.476.224.425	3.584.616.752
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.696.567.035	332.856.958
31	11. Thu nhập khác		-	212.115.364
32	12. Chi phí khác		179.306.571	196.401.515
40	13. Lợi nhuận khác		(179.306.571)	15.713.849
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.517.260.464	348.570.807
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	1.255.912.839	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.261.347.625</u>	<u>348.570.807</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	22	6.847	454

(*) Mệnh giá một cổ phần của Công ty là 100.000 đồng.


Vũ Thị Hạnh
Người lập

Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởngLô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		66.050.329.642	66.342.083.224
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(36.236.368.289)	(38.569.656.122)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.705.603.972)	(11.518.968.787)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.626.037.216)	(7.086.462.939)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(216.752.907)	(333.803.781)
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.404.181.991)	(2.355.275.680)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.861.385.267	6.477.915.915
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(378.181.818)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.400.000.000)	(8.301.434.156)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.417.114.705	3.466.235.543
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.114.705	(5.213.380.431)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		24.181.096.045	38.123.612.734
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(35.648.362.734)	(39.810.311.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.467.266.689)	(1.686.699.066)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		411.233.283	(422.163.582)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.245.507.246	1.667.670.828
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.656.740.529	1.245.507.246

[Signature]

Vũ Thị Hạnh
Người lập

[Signature]

Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Lô Đình Ních
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần An Thịnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4700145463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi.

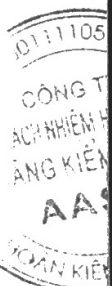
Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04/02/2015 là 76.840.00.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 76.840.000.000 đồng; tương đương 768.400 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 100.000 đồng.

Trụ sở của Công ty tại: Tổ 11C, Phường Đức Xuân, Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng công trình;
- Khai thác quặng sắt;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV; Xây dựng công trình thủ lợi;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan. Chi tiết: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu và đấu thầu, thẩm tra thiết kế, dự toán công trình xây dựng, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông, khảo sát địa chất công trình, giám sát thi công xây dựng công trình giao thông;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, phân tích độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;



Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm (tiếp theo):

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng, bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát sỏi;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 29.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.8 . Hàng tồn kho

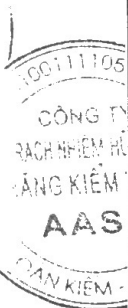
Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.



2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

Các thông tin liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty chi tiết tại Thuyết minh số 6.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

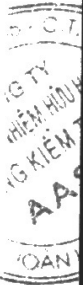
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	680.920.909	108.760.446
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	975.819.620	1.136.746.800
	<u>1.656.740.529</u>	<u>1.245.507.246</u>

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
UBNN Huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	541.983.403	3.435.783.403
Ban QLDA phát triển CSHT Nông thôn bền vững các tỉnh Miền Núi phía Bắc - Tỉnh Bắc Kạn	3.276.868.470	-
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn	3.821.941.390	4.441.321.413
Ban QL các dự án huyện Na Ri - tỉnh Bắc Kạn	964.057.325	5.264.019.925
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sơn Phát	5.100.293.326	2.480.087.160
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.482.952.224	2.254.490.786
	<u>16.188.096.138</u>	<u>17.875.702.687</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	16.188.096.138	17.875.702.687
	<u>16.188.096.138</u>	<u>17.875.702.687</u>

5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô	25.000.000.000	25.000.000.000
	<u>25.000.000.000</u>	<u>25.000.000.000</u>

Cho vay dài hạn là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô vay theo Hợp đồng Số 01.08.13/HĐVV ngày 01/08/2013 và Phụ lục số 25.10.14/HĐVV ngày 25/10/2014, với nội dung như sau: thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày khoản vay được giải ngân; lãi suất từ 01/01/2015 là 9.6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	5.000.000.000	-	47.020.000	-
	<u>5.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>47.020.000</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô	58.551.570.961	-	56.151.570.961	-
	<u>58.551.570.961</u>	<u>-</u>	<u>56.151.570.961</u>	<u>-</u>

Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/LKKD/2011-DM-AT ngày 03/01/2011 về việc xây dựng và vận hành Dự án Khu nghỉ dưỡng SPA Cây Bò Đề tại Đào Kè Xiết, Hồ Đồng Mô, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, Hà Nội do Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô làm chủ đầu tư cụ thể như sau: Tổng vốn góp dự kiến để thực hiện dự án khoản 440 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần An Thịnh góp từ 130 tỷ đến tối đa là 140 tỷ. Thời gian hợp tác là 22 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi có thỏa thuận khác. Hình thức góp vốn bằng tiền, bằng tài sản, hàng tồn kho, nhân công và các tài sản khác không trái quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi ích hay thua lỗ dựa trên việc phân chia chỉ tiêu thu nhập trước thuế + lãi vay + khấu hao (EBITDA) từ việc kinh doanh dịch vụ hàng năm của dự án.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.749.392.968	-	4.733.052.132	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.227.897.785	-	32.633.841.165	-
	<u>36.977.290.753</u>	<u>-</u>	<u>37.366.893.297</u>	<u>-</u>

8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Chi phí thăm dò khai thác mỏ	1.490.638.313	1.490.638.313
	<u>1.490.638.313</u>	<u>1.490.638.313</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

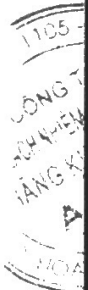
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	7.651.125.053	15.063.426.543	14.196.635.660	42.135.564	36.953.322.820					
Số dư cuối năm	7.651.125.053	15.063.426.543	14.196.635.660	42.135.564	36.953.322.820					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	2.372.693.484	10.201.605.272	9.446.838.735	42.135.564	22.063.273.055					
Khấu hao trong năm	363.343.339	1.556.046.239	1.175.238.049	-	3.094.627.627					
Số dư cuối năm	2.736.036.823	11.757.651.511	10.622.076.784	42.135.564	25.157.900.682					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	5.278.431.569	4.861.821.271	4.749.796.925	-	14.890.049.765					
Tại ngày cuối năm	4.915.088.230	3.305.775.032	3.574.558.876	-	11.795.422.138					

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.898.326.040 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNHTổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	52.425.014	148.255.476
	52.425.014	148.255.476

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Phát triển Thương mại Thái Nguyên	722.244.681	722.244.681	543.506.801	543.506.801
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sơn Phát	541.982.403	541.982.403	3.435.783.403	3.435.783.403
Công ty Xăng dầu Bắc Kạn	31.623.275	31.623.275	884.306.825	884.306.825
Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Thương mại Đồng Nam	922.480.240	922.480.240	221.450.000	221.450.000
DNTN Việt Anh	834.838.886	834.838.886	1.299.757.091	1.299.757.091
Công ty CP Bê tông Hà Thanh	961.815.061	961.815.061	918.247	918.247
Phải trả các đối tượng khác	2.810.783.460	2.810.783.460	1.661.713.235	1.661.713.235
	6.825.768.006	6.825.768.006	8.047.435.602	8.047.435.602
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	6.825.768.006	6.825.768.006	8.047.435.602	8.047.435.602
	6.825.768.006	6.825.768.006	8.047.435.602	8.047.435.602



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		1.154.953.633		2.807.624.801		1.383.599.438		-		2.578.978.996	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	721.367.039		-		1.255.912.839		216.752.907		-		317.792.893	
Thuế bảo vệ môi trường	-		-		960.416.355		-		-		960.416.355	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		15.982.553		15.982.553		-		-	
	721.367.039		1.154.953.633		5.042.936.548		1.619.334.898		-		3.857.188.244	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
Ngắn hạn				
Trích trước chi phí lãi vay	6.392.357.242		4.067.378.051	
	6.392.357.242		4.067.378.051	



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Kạn	64.384.641.376	64.384.641.376	24.181.096.045	35.173.362.734	53.392.374.687	53.392.374.687
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Kạn	2.275.000.000	2.275.000.000	-	475.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
	66.659.641.376	66.659.641.376	24.181.096.045	35.648.362.734	55.192.374.687	55.192.374.687

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

- (1) Các Hợp đồng tín dụng theo món với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: thanh toán chi phí các hợp đồng thi công công trình ký với các khách hàng;
 - + Thời hạn cho vay: từ 4 đến 11 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: từ 8,5%/năm đến 9,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng tài sản, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐTH ngày 17/07/2009 và phụ lục gia hạn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 9.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: mua sắm máy móc thi công công trình;
 - + Thời hạn cho vay: 60 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: kỳ đầu tiên 9,5%/năm, các kỳ sau theo thông báo của ngân hàng;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 1.800.000.000 đồng, số dư nợ gốc đến hạn thanh toán là 1.800.000.000 đồng.



15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2014			
Tại ngày 01/01/2014	76.840.000.000	(2.071.295.682)	74.768.704.318
Lãi trong năm	-	348.570.807	348.570.807
Tại ngày 31/12/2014	76.840.000.000	(1.722.724.875)	75.117.275.125
Năm 2015			
Tại ngày 01/01/2015	76.840.000.000	(1.722.724.875)	75.117.275.125
Lãi trong năm	-	5.261.347.625	5.261.347.625
Tại ngày 31/12/2015	76.840.000.000	3.538.622.750	80.378.622.750

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lô Đình Ních	85,66%	65.819.500.000	85,66%	65.819.500.000
Ông Nông Văn Tuấn	3,89%	2.987.700.000	3,89%	2.987.700.000
Ông Vũ Văn Huỳnh	3,33%	2.556.600.000	3,33%	2.556.600.000
Ông Lô Văn Ứng	3,50%	2.692.700.000	3,50%	2.692.700.000
Ông Lô Văn Khôn	3,62%	2.783.500.000	3,62%	2.783.500.000
	100%	76.840.000.000	100%	76.840.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	76.840.000.000	76.840.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	76.840.000.000	76.840.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	76.840.000.000	76.840.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	768.400	768.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	768.400	768.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	768.400	768.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	768.400	768.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	768.400	768.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	100.000	100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNHTổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	55.844.604.695	54.114.877.247
Doanh thu cung cấp dịch vụ	340.040.354	344.547.897
	56.184.645.049	54.459.425.144

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	43.508.252.653	43.098.270.960
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	40.180.428	356.075.027
	43.548.433.081	43.454.345.987

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.417.114.705	3.466.235.543
	2.417.114.705	3.466.235.543

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.880.535.213	10.553.840.990
	5.880.535.213	10.553.840.990

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	412.471.991	488.092.372
Chi phí nhân công	1.157.007.740	1.234.194.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	363.343.339	428.519.130
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.271.273	211.862.928
Chi phí khác bằng tiền	489.130.082	1.218.947.362
	2.476.224.425	3.584.616.752

21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.517.260.464	348.570.807
Các khoản điều chỉnh tăng	453.502.051	203.714.286
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	453.502.051	203.714.286
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.262.067.793)	(1.814.352.886)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(1.262.067.793)	(1.814.352.886)
Thu nhập tính thuế TNDN	5.708.694.722	(1.262.067.793)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.255.912.839	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(721.367.039)	(387.563.258)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(216.752.907)	(333.803.781)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	317.792.893	(721.367.039)

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	5.261.347.625	348.570.807
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.261.347.625	348.570.807
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	768.400	768.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.847	454

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNHTổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.267.968.494	21.220.651.398
Chi phí nhân công	12.874.726.483	11.662.126.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.094.627.627	3.336.006.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.202.186	7.731.571.898
Chi phí khác bằng tiền	975.189.336	1.887.510.579
	42.618.714.126	45.837.866.236

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	1.656.740.529	-	1.245.507.246	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.739.667.099	-	74.074.293.648	-
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	106.396.407.628	-	100.319.800.894	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	55.192.374.687	66.659.641.376
Phải trả người bán, phải trả khác	6.825.768.006	8.438.913.091
Chi phí phải trả	6.392.357.242	4.067.378.051
	68.410.499.935	79.165.932.518

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

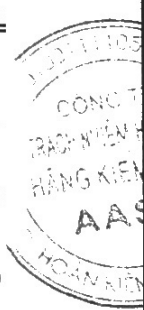
Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.656.740.529	-	-	1.656.740.529
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.739.667.099	-	-	79.739.667.099
Các khoản cho vay	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
	81.396.407.628	25.000.000.000	-	106.396.407.628
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.245.507.246	-	-	1.245.507.246
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.074.293.648	-	-	74.074.293.648
Các khoản cho vay	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
	75.319.800.894	25.000.000.000	-	100.319.800.894



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	55.192.374.687	-	-	55.192.374.687
Phải trả người bán, phải trả khác	6.825.768.006	-	-	6.825.768.006
Chi phí phải trả	6.392.357.242	-	-	6.392.357.242
	<u>68.410.499.935</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>68.410.499.935</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	66.659.641.376	-	-	66.659.641.376
Phải trả người bán, phải trả khác	8.438.913.091	-	-	8.438.913.091
Chi phí phải trả	4.067.378.051	-	-	4.067.378.051
	<u>79.165.932.518</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>79.165.932.518</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . THÔNG TIN KHÁC

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4700145463, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 16/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp thì vốn điều lệ của Công ty là 138.840.000.000 đồng, tương đương 13.884.000 đồng, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	191.890.135	338.519.760



CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Tổ 11C, Phường Đức Xuân,
Thành phố Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

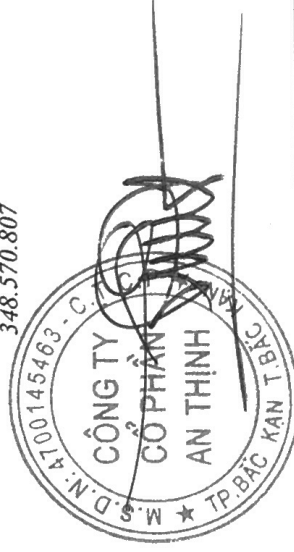
Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số		Tên khoản mục
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
135	5. Các khoản phải thu khác	-	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	47.020.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	47.020.000	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	(47.020.000)
258	3. Đầu tư dài hạn khác	25.000.000.000	215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	25.000.000.000
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.490.638.313	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(25.000.000.000)
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	76.840.000.000	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.490.638.313
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.722.724.875)	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	76.840.000.000
			411a	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	76.840.000.000
			421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.722.724.875)
			421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm</i>	(2.071.295.682)
			421b	- <i>LNST chưa phân phối năm này</i>	348.570.807



Vũ Thị Hạnh
Người lập



Vũ Thị Hạnh
Kế toán trưởng



Lô Đình Nich
Giám đốc

Bắc Kạn, ngày 06 tháng 09 năm 2016